

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP
(Tính đến ngày 01/12/2021)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		14916	2770	17686
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Cao đẳng - Chuyên nghiệp				
1	Khóa 2014CĐ (Nợ môn)	2	0	2
2	Khóa 2015CĐ (Nợ môn)	5	0	5
3	Khóa 2016CĐ (Nợ môn)	225	12	237
Tổng số		232	12	244
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	Khóa 2017 C1 (Nợ môn)	298	10	308
2	Khóa 2018 C1 (Nợ môn)	676	13	689
Tổng số		974	23	997
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	19C1-ĐCN1	45	0	45
2	19C1-ĐCN2	51	0	51
3	19C1-ĐĐT1	52	2	54
4	19C1-ĐĐT2	44	1	45
5	19C1-CĐT1	36	1	37
6	19C1-TĐH1	48	0	48
7	19C1-KML1	47	0	47
8	19C1-KML2	24	1	25
9	19C1-VSL1	46	0	46
10	19C1-VSL2	27	0	27
11	19C1-LĐL1	22	0	22
12	19C1-CN1	36	0	36
13	19C1-CCK1	35	1	36
14	19C1-CCK2	49	0	49
15	19C1-CCK3	34	0	34
16	19C1-CCK4	50	0	50
17	19C1-CCK5	27	0	27
18	19C1-CTM1	45	0	45
19	19C1-BCN1	21	0	21
20	19C1-CNÔ1	50	1	51
21	19C1-CNÔ2	55	0	55
22	19C1-CNÔ3	54	0	54
23	19C1-CNÔ4	57	0	57
24	19C1-CNÔ5	57	0	57
25	19C1-CNÔ6	54	0	54
26	19C1-CNÔ7	53	0	53
27	19C1-CNÔ8	52	0	52



STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
28	19C1-CNÔ9	49	1	50
29	19C1-CNM1	4	29	33
30	19C1-ANM1	11	0	11
31	19C1-CMT1	20	0	20
32	19C1-TKĐ1	33	9	42
33	19C1-TKĐ2	26	4	30
34	19C1-TKW1	18	3	21
35	19C1-LTM1	37	0	37
36	19C1-QTM1	26	0	26
37	19C1-LGT1	17	5	22
38	19C1-KTD1	13	45	58
39	19C1-QTD1	19	25	44
40	19C1-NNA1	12	16	28
41	19C1-KXD1	23	0	23
Tổng số		1479	144	1623

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	20C1-ĐCN1	49	0	49
2	20C1-ĐCN2	48	0	48
3	20C1-ĐĐT1	55	0	55
4	20C1-ĐĐT2	47	0	47
5	20C1-CĐT1	60	0	60
6	20C1-TĐH1	40	1	41
7	20C1-TĐH2	37	0	37
8	20C1-KML1	36	0	36
9	20C1-KML2	25	0	25
10	20C1-VSL1	31	0	31
11	20C1-VSL2	30	0	30
12	20C1-LĐL1	29	0	29
13	20C1-CNL1	56	0	56
14	20C1-CNL2	56	0	56
15	20C1-CCK1	46	0	46
16	20C1-CCK2	49	0	49
17	20C1-CCK3	48	0	48
18	20C1-CCK4	42	0	42
19	20C1-CCK5	44	0	44
20	20C1-CTM1	46	0	46
21	20C1-CTM2	38	0	38
22	20C1-CTM3	26	0	26
23	20C1-CTK1	15	0	15
24	20C1-CKL1	22	0	22
25	20C1-BCN1	22	0	22
26	20C1-CNÔ1	45	0	45
27	20C1-CNÔ2	44	1	45
28	20C1-CNÔ3	51	0	51
29	20C1-CNÔ4	53	0	53
30	20C1-CNÔ5	48	0	48
31	20C1-CNÔ6	51	0	51
32	20C1-CNÔ7	55	0	55

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
33	20C1-CNÔ8	55	0	55
34	20C1-CNÔ9	52	0	52
35	20C1-CNÔ10	51	0	51
36	20C1-CNÔ11	50	0	50
37	20C1-CNÔ12	53	0	53
38	20C1-CNÔ13	56	0	56
39	20C1-CNÔ14	55	0	55
40	20C1-CNM1	6	32	38
41	20C1-CMT1	51	1	52
42	20C1-TKĐ1	41	6	47
43	20C1-TKĐ2	42	7	49
44	20C1-TKW1	32	3	35
45	20C1-ĐHĐ1	20	6	26
46	20C1-LTM1	46	0	46
47	20C1-LTM2	42	4	46
48	20C1-QTM1	38	2	40
49	20C1-LGT1	22	3	25
50	20C1-TCĐ1	10	7	17
51	20C1-KTD1	13	49	62
52	20C1-QTD1	31	29	60
53	20C1-QKS1	15	13	28
54	20C1-QNH1	16	6	22
55	20C1-TMĐ1	16	2	18
56	20C1-KLB1	6	3	9
57	20C1-NNA1	31	25	56
58	20C1-KXD1	27	0	27
59	20C1-QXD1	11	0	11
Tổng số		2232	200	2432

Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	21C1-ĐCN1	58	0	58
2	21C1-ĐCN2	57	0	57
3	21C1-ĐĐT1	40	0	40
4	21C1-ĐĐT2	35	0	35
5	21C1-CĐT1	38	1	39
6	21C1-TĐH1	50	0	50
7	21C1-KML1	57	1	58
8	21C1-VSL1	48	0	48
9	21C1-CNL1	56	0	56
10	21C1-CCK1	57	1	58
11	21C1-CCK2	58	0	58
12	21C1-CCK3	58	0	58
13	21C1-CCK4	57	0	57
14	21C1-CTM1	39	0	39
15	21C1-CNÔ1	59	0	59
16	21C1-CNÔ2	57	0	57
17	21C1-CNÔ3	58	0	58
18	21C1-CNÔ4	59	0	59
19	21C1-CNÔ5	59	0	59
20	21C1-CNÔ6	58	0	58

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
21	21C1-CNÔ7	58	0	58
22	21C1-CNÔ8	59	1	60
23	21C1-CNÔ9	58	1	59
24	21C1-CNÔ10	58	0	58
25	21C1-CNM1	1	16	17
26	21C1-CMT1	64	2	66
27	21C1-TKĐ1	50	8	58
28	21C1-TKĐ2	44	12	56
29	21C1-TKW1	41	2	43
30	21C1-LTM1	37	3	40
31	21C1-LTM2	38	0	38
32	21C1-QTM1	33	2	35
33	21C1-LGT1	25	10	35
34	21C1-TCD1	11	10	21
35	21C1-KTD1	12	47	59
36	21C1-QTD1	33	23	56
37	21C1-QTD2	38	26	64
38	21C1-QKS1	16	14	30
39	21C1-QNH1	16	7	23
40	21C1-TMĐ1	15	2	17
41	21C1-KLB1	6	8	14
42	21C1-NNA1	43	15	58
43	21C1-KXD1	44	0	44
Tổng số		1858	212	2070
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	26	0	26
2	19C3-CNÔ1	23	0	23
3	19C3-CNÔ2	23	0	23
Tổng số		72	0	72
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	20C3-ĐĐT1	17	0	17
2	20C3-CCK1	31	0	31
3	20C3-CTM1	16	0	16
4	20C3-CNÔ1	35	0	35
5	20C3-CNÔ2	36	0	36
6	20C3-CNÔ3	37	0	37
Tổng số		172	0	172
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	21C3-CDT1	18	1	19
2	21C3-CCK1	34	0	34
3	21C3-CNÔ1	35	0	35
4	21C3-CNÔ2	34	0	34
5	21C3-CNÔ3	35	0	35
6	21C3-CNÔ4	33	0	33
7	21C3-LTM1	28	1	29
Tổng số		217	2	219

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	17	0	17
Tổng số		17	0	17
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast				
1	20C5-CĐT1	24	0	24
2	20C5-CNÔ1	27	0	27
Tổng số		51	0	51
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024				
Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast				
1	21C5-CĐT1	24	0	24
2	21C5-CNÔ1	25	0	25
Tổng số		49	0	49
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật				
1	20C6-CĐT1	15	0	15
2	20C6-CNÔ1	28	0	28
3	20C6-CNÔ2	28	0	28
4	20C6-CNÔ3	31	0	31
5	20C6-CNÔ4	24	0	24
Tổng số		126	0	126
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024				
Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật				
1	21C6-CNÔ1	43	0	43
2	21C6-CNÔ2	42	0	42
Tổng số		85	0	85
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024				
Cao đẳng - Liên kết quốc tế				
1	21C7-ĐCN1	16	0	16
2	21C7-CCK1	43	0	43
3	21C7-LTM1	18	1	19
4	21C7-NNA1	6	7	13
Tổng số		83	8	91
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	Khóa 2018C2 (Nợ môn)	29	1	30
2	Khóa 2019C2 (Nợ môn)_A	197	30	227
Tổng số		226	31	257
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)_B				
1	19C2-CNÔ2	12	0	12
	19C2-CNM1	1	7	8
Tổng số		13	7	20

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	20C2-ĐCN1	60	0	60
2	20C2-ĐĐT1	28	1	29
3	20C2-LĐL1	20	0	20
	20C2-CNL1	15	0	15
4	20C2-CCK1	24	0	24
5	20C2-CKL1	25	0	25
	20C2-LTM1	21	0	21
6	20C2-CNÔ1	34	0	34
7	20C2-CNÔ2	40	0	40
8	20C2-CNÔ3	34	0	34
9	20C2-CNM1	1	10	11
10	20C2-THU1	27	9	36
	20C2-TKW1	17	0	17
11	20C2-QTM1	33	2	35
	20C2-CMT1	16	0	16
12	20C2-KTD1	5	20	25
13	20C2-QTD1	19	12	31
14	20C2-NNA1	19	11	30
Tổng số		438	65	503
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2023				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	21C2-ĐCN1	18	0	18
2	21C2-ĐĐT1	1	0	1
3	21C2-CĐT1	3	0	3
4	21C2-KML1	11	0	11
5	21C2-VSL1	1	0	1
6	21C2-CCK1	15	0	15
7	21C2-CTM1	5	0	5
8	21C2-CNÔ1	31	0	31
9	21C2-CNM1	0	1	1
10	21C2-CMT1	7	0	7
11	21C2-TKW1	4	0	4
12	21C2-THU1	3	0	3
13	21C2-LTM1	0	1	1
14	21C2-QTM1	14	2	16
15	21C2-KTD1	2	7	9
16	21C2-QTD1	0	2	2
17	21C2-NNA1	2	0	2
18	21C2-KXD1	1	0	1
Tổng số		118	13	131
Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2016CĐN (Nợ môn)	9	1	10
Tổng số		9	1	10
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp_2N3				
1	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	60	2	62
Tổng số		60	2	62

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	Khóa 2016TC (Nợ môn)	36	16	52
Tổng số		36	16	52
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	105	21	126
2	Khóa 2016TCN (Nợ môn)	131	14	145
Tổng số		236	35	271
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	39	2	41
2	Khóa 2018T2 Trung cấp (Nợ môn)	15	0	15
3	Khóa 2019T2 Trung cấp (Nợ môn)	67	3	70
Tổng số		121	5	126
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	20T2-ĐCN1	28	4	32
Tổng số		28	4	32
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	21T2-ĐCN1	38	5	43
Tổng số		38	5	43
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2017T4 Trung cấp (Nợ môn)	317	53	370
Tổng số		317	53	370
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	18T4-ĐCN1	43	0	43
2	18T4-ĐĐT1	32	0	32
3	18T4-CĐT1	35	0	35
4	18T4-KML1	26	0	26
5	18T4-VSL1	31	0	31
6	18T4-VSL2	35	0	35
7	18T4-CCK1	48	0	48
8	18T4-CKC1	19	0	19
9	18T4-CNÔ1	26	0	26
10	18T4-CNÔ2	32	0	32
11	18T4-CNÔ3	34	0	34
12	18T4-CNÔ4	34	0	34
13	18T4-CNÔ5	31	0	31
14	18T4-CNM1	5	31	36
15	18T4-ANM1	26	3	29
16	18T4-CMT1	40	0	40
17	18T4-TKĐ1	27	9	36
18	18T4-TKĐ2	23	8	31
19	18T4-TKW1	23	5	28



STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
20	18T4-THU1	28	10	38
21	18T4-LTM1	32	1	33
22	18T4-LTM2	21	2	23
23	18T4-QTM1	35	1	36
24	18T4-TCĐ1	6	9	15
25	18T4-KTD1	5	38	43
26	18T4-QTD1	8	21	29
27	18T4-QTD2	8	22	30
28	18T4-NNA1	16	24	40
29	18T4-NNA2	12	28	40
30	18T4-NNA3	12	20	32
31	18T4-KXD1	15	0	15
Tổng số		768	232	1000

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm

1	19T4-ĐCN1	32	0	32
2	19T4-ĐCN2	30	0	30
3	19T4-ĐĐT1	30	0	30
4	19T4-ĐĐT2	26	1	27
5	19T4-CĐT1	35	0	35
6	19T4-KML1	38	0	38
7	19T4-VSL1	23	0	23
8	19T4-VSL2	26	0	26
9	19T4-LĐL1	36	0	36
10	19T4-CCK1	53	0	53
11	19T4-CKC1	40	0	40
12	19T4-CKC2	21	0	21
13	19T4-CNÔ1	43	0	43
14	19T4-CNÔ2	44	0	44
15	19T4-CNÔ3	46	0	46
16	19T4-CNÔ4	52	0	52
17	19T4-CNÔ5	51	0	51
18	19T4-CNM1	1	39	40
19	19T4-ANM1	19	1	20
20	19T4-ANM2	23	2	25
21	19T4-CMT1	44	0	44
22	19T4-CMT2	20	1	21
23	19T4-TKĐ1	32	19	51
24	19T4-TKĐ2	26	24	50
25	19T4-TKW1	39	9	48
26	19T4-THU1	38	13	51
27	19T4-LTM1	42	6	48
28	19T4-LTM2	46	3	49
29	19T4-QTM1	47	4	51
30	19T4-LGT1	15	8	23
31	19T4-TCĐ1	12	17	29
32	19T4-KTD1	4	41	45
33	19T4-KTD2	12	30	42

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
34	19T4-QTD1	21	31	52
35	19T4-TMĐ1	8	8	16
36	19T4-NNA1	18	29	47
37	19T4-NNA2	15	30	45
38	19T4-NNA3	19	24	43
39	19T4-KXD1	25	2	27
Tổng số		1152	342	1494
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	20T4-ĐCN1	41	0	41
2	20T4-ĐCN2	36	0	36
3	20T4-ĐĐT1	51	0	51
4	20T4-CĐT1	39	0	39
5	20T4-CĐT2	35	0	35
6	20T4-TĐH1	36	0	36
7	20T4-KML1	58	0	58
8	20T4-VSL1	45	0	45
9	20T4-VSL2	38	0	38
10	20T4-LĐL1	46	0	46
11	20T4-CNL1	27	0	27
12	20T4-CCK1	55	1	56
13	20T4-CCK2	49	0	49
14	20T4-CKC1	45	0	45
15	20T4-CKC2	44	0	44
16	20T4-CKL1	22	0	22
17	20T4-CNÔ1	55	0	55
18	20T4-CNÔ2	54	1	55
19	20T4-CNÔ3	52	0	52
20	20T4-CNÔ4	55	0	55
21	20T4-CNÔ5	49	0	49
22	20T4-CNM1	6	44	50
23	20T4-ANM1	32	2	34
24	20T4-CMT1	34	1	35
25	20T4-CMT2	31	0	31
26	20T4-TKĐ1	28	21	49
27	20T4-TKĐ2	36	12	48
28	20T4-TKĐ3	37	9	46
29	20T4-TKW1	48	8	56
30	20T4-ĐHĐ1	41	21	62
31	20T4-THU1	57	6	63
32	20T4-LTM1	46	6	52
33	20T4-LTM2	38	1	39
34	20T4-QTM1	45	2	47
35	20T4-QTM2	33	3	36
36	20T4-LGT1	21	22	43
37	20T4-TCD1	25	36	61
38	20T4-KTD1	4	32	36
39	20T4-KTD2	9	28	37



STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
40	20T4-QTD1	15	24	39
41	20T4-QTD2	16	25	41
42	20T4-QDL1	17	36	53
43	20T4-QKS1	23	38	61
44	20T4-QLH1	10	15	25
45	20T4-QNH1	16	27	43
46	20T4-TMĐ1	28	9	37
47	20T4-KLB1	14	46	60
48	20T4-NNA1	22	28	50
49	20T4-NNA2	26	25	51
50	20T4-NNA3	31	12	43
51	20T4-KXD1	45	0	45
Tổng số		1766	541	2307

Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm

1	21T4-ĐCN1	49	0	49
2	21T4-ĐĐT1	64	1	65
3	21T4-CĐT1	54	1	55
4	21T4-TĐH1	25	1	26
5	21T4-KML1	68	0	68
6	21T4-VSL1	71	0	71
7	21T4-CCK1	69	1	70
8	21T4-CKC1	40	0	40
9	21T4-CTM1	36	0	36
10	21T4-CNÔ1	57	0	57
11	21T4-CNÔ2	55	0	55
12	21T4-CNÔ3	56	0	56
13	21T4-CNÔ4	41	1	42
14	21T4-CNM1	4	27	31
15	21T4-ANM1	34	4	38
16	21T4-CMT1	52	0	52
17	21T4-TKĐ1	50	25	75
18	21T4-TKĐ2	48	25	73
19	21T4-TKW1	33	6	39
20	21T4-ĐHĐ1	43	20	63
21	21T4-THU1	40	8	48
22	21T4-LTM1	59	1	60
23	21T4-LTM2	60	0	60
24	21T4-LTM3	56	1	57
25	21T4-QTM1	60	6	66
26	21T4-LGT1	19	14	33
27	21T4-TCD1	5	24	29
28	21T4-KTD1	8	57	65
29	21T4-QTD1	15	29	44
30	21T4-QTD2	16	21	37
31	21T4-QDL1	14	16	30
32	21T4-QKS1	34	41	75
33	21T4-QLH1	9	7	16

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
34	21T4-QNH1	15	19	34
35	21T4-TMĐ1	26	20	46
36	21T4-KLB1	30	42	72
37	21T4-NNA1	19	31	50
38	21T4-NNA2	24	14	38
39	21T4-NTN1	3	5	8
40	21T4-NHQ1	3	16	19
41	21T4-KXD1	18	0	18
Tổng số		1482	484	1966
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm (GDTX)				
1	20T3-ĐCN1TU	22	4	26
2	20T3-CNÔ1CK	32	10	42
3	20T3-CNÔ1CT	29	0	29
4	20T3-CNÔ1Q7	28	0	28
5	20T3-THU1CT	15	9	24
6	20T3-THU1TA	36	32	68
7	20T3-THU2TA	41	27	68
8	20T3-QTM1Q4	11	4	15
9	20T3-QTM1Q7	35	20	55
10	20T3-KTD1TU	5	35	40
11	20T3-QKS1BP	13	15	28
12	20T3-QKS1CT	9	15	24
13	20T3-QKS1Q7	24	30	54
14	20T3-KLB1BP	4	22	26
15	20T3-KLB1CĐ	7	22	29
16	20T3-KLB1Q7	41	45	86
17	20T3-KLB1TN	24	18	42
Tổng số		376	308	684
Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm (GDTX)				
1	21T3-QLH1KN	28	8	36
Tổng số		28	8	36
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	18T5-ĐCN1 (Nợ môn)	1	0	1
Tổng số		1	0	1
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	20T5-THU1	19	15	34
Tổng số		19	15	34
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm(Buổi tối)				
1	18T7-ĐCN1	37	2	39
Tổng số		37	2	39

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cao đẳng	7366		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	463		
3	Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	17		
4	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	100		
5	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	211		
6	Cao đẳng - Liên kết quốc tế	91		
7	Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	911		
8	Cao đẳng nghề (12+3)	10		
9	Trung cấp chuyên nghiệp (12+2) & 2N3	62		
10	Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	52		
11	Trung cấp nghề (9+4)	271		
12	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	201		
13	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	7137		
14	Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	720		
15	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	35		
16	Trung cấp - (Tín chỉ) - 3 năm (Buổi tối)	39		
TỔNG CỘNG =		17686	374 Lớp	

Riêng các lớp khóa 2021 C2 chưa ổn định số lớp

Trong đó: Khóa 2021 - 2022 =

	4690
1 Cao đẳng	2070
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	219
3 Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	49
4 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	85
5 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	91
6 Cao đẳng Liên thông	131
7 Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	43
8 Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	1966
9 Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	36

TP. HCM, ngày 02 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Lê Xuân Thiện

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Lộc